

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lem;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Cẩm T**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã G, tỉnh Vĩnh Long).

- Bị đơn: Ông **Châu Thành N**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã G, tỉnh Vĩnh Long).

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Hồ Thị Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Châu Thành N kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 06/10/2015. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu, bà và ông N sống hạnh phúc, nhưng từ khoảng 02 năm nay thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N không chia sẻ, quan tâm, chăm sóc vợ con; nói chuyện lớn tiếng, hung hăng với bà; nhiều lần đi ra ngoài, không nói cho bà biết. Bà và ông N đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông N nên xin được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung tên Châu Ngọc Lan V, sinh ngày 25/01/2017. Sau khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông N không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên bà xin vắng mặt trong vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa bà và ông N.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long) đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn ông N đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông N có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, bà T được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Bà T và ông N có 01 con chung tên Châu Ngọc Lan V, sinh ngày 25/01/2017. Khi ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, con chung hiện đang sống chung với bà T, nguyện vọng của con chung là muốn sống

chung với bà T; Tòa án đã nhiều lần mời ông N đến để giải quyết vấn đề con chung nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến. Do đó, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ghi nhận bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai tài sản chung và nợ chung không có; ông N vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long, Hội đồng xét xử nhận định

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Hồ Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long) giải quyết ly hôn, nuôi con chung với ông Châu Thành N. Ông N hiện cư trú tại xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông N.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 06/10/2015 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, theo bà T trình bày thì sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông N sống hạnh phúc nhưng từ khoảng 02 năm nay thì bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N không chia sẻ, quan tâm, chăm sóc vợ con; nói chuyện lớn tiếng, hung hăng với bà; nhiều lần đi ra ngoài, không nói cho bà biết; bà và ông N đã sống ly thân khoảng 01 năm nay, nay bà xác định không còn tình cảm với ông N nên xin được ly hôn. Tòa án đã nhiều lần mời ông N đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng ông N đều vắng mặt, không có lý do. Theo Biên bản xác minh ngày 20/5/2025 thì giữa bà T và ông N có phát sinh mâu thuẫn, bà T và ông N đã sống ly thân khoảng 01 năm nay.

Như vậy, trong quá trình chung sống giữa bà T và ông N đã có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Tòa án đã nhiều lần mời bà T và ông N đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn; ông N đều vắng mặt, không có lý do, điều này thể hiện ông N đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T. Mặt khác, bà T và ông N đã sống ly thân thời gian dài nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà T và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, bà T được ly hôn với ông N.

[4] Về con chung:

Bà T khai bà và ông N có 01 con chung tên Châu Ngọc Lan V, sinh ngày 25/01/2017. Khi ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, con chung hiện đang sống chung với bà T, nguyện vọng của con chung là muốn sống với bà T, Tòa án đã nhiều lần mời ông N đến để giải quyết vấn đề con chung nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đó, để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, sau khi ly hôn giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà T khai tài sản chung và nợ chung không có; ông N vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Cẩm T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Cẩm T được ly hôn với ông Châu Thành N.

- Về con chung: Bà Hồ Thị Cẩm T và ông Châu Thành N có 01 con chung tên Châu Ngọc Lan V, sinh ngày 25/01/2017. Sau khi ly hôn, bà Hồ Thị Cẩm T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; ghi nhận bà Hồ Thị Cẩm T không yêu cầu ông Châu Thành N cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Châu Thành N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Thị Cẩm T trình bày tài sản chung và nợ chung không có; ông Châu Thành N vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Cẩm T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Hồ Thị Cẩm T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010498 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm,

tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Vĩnh Long). Bà Hồ Thị Cẩm T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã G, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yên